

Số: 01 /2018/QĐ-UBND

Long An, ngày 05 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành mức giá dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone tại các cơ sở điều trị của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TT-BYT ngày 13/11/2014 của Bộ Y tế về việc quy định định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ điều trị Methadone;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 38/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính về việc ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ điều trị Methadone;

Căn cứ Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức giá dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone tại các cơ sở điều trị của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại tờ trình số 3793/TTr-SYT ngày 28/12/2017; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 2068/STP-XDKTVB ngày 21/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức giá dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone tại các cơ sở điều trị của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An, như sau:

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá	Ghi chú
I	Khám (Không bao gồm xét nghiệm và thuốc)			
1	Khám ban đầu	đồng/lần khám/người	30.000	Tối đa không quá 01 lần/người/quá trình điều trị
2	Khám khởi liệu điều trị	đồng/lần khám/người	21.000	Tối đa không quá 01 lần/người/quá trình điều trị
3	Khám định kỳ	đồng/lần khám/người	14.000	01 lần/tháng hoặc khám theo yêu cầu
II	Cấp phát thuốc (Không bao gồm thuốc)			
4	Tại cơ sở điều trị thay thế	đồng/lần/người/ngày	7.000	
5	Tại cơ sở cấp phát thuốc điều trị thay thế	đồng/lần/người/ngày	6.000	
III	Tư vấn (không bao gồm thuốc và xét nghiệm)			
6	Tư vấn cá nhân	đồng/lần/người	10.000	Không quá 14 lần/năm (Năm điều trị đầu tiên)
				Không quá 4 lần/năm (Năm điều trị thứ hai)
				Tư vấn khác theo yêu cầu của bệnh nhân
7	Tư vấn nhóm	đồng/lần/người	5.000	Không quá 6 lần/năm (Năm điều trị đầu tiên)
				Không quá 4 lần/năm (Năm điều trị thứ hai)

Điều 2. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An triển khai thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, DTh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**